

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN DA LIỄU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 150/QĐ-BVDL

Đồng Nai, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp thuốc, thiết bị y tế
để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên Bệnh viện Da liễu
theo hình thức dịch vụ đợt 2/2025**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN DA LIỄU ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Thông tư số 54/2024/TT-BTC ngày 24/7/2024 của Bộ Tài chính bãi bỏ thông tư của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-SYT ngày 23/01/2014 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai về việc ban hành Điều lệ về Tổ chức và hoạt động Bệnh viện Da liễu tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-BVDL ngày 14/02/2025 của Giám đốc Bệnh viện Da liễu về việc ban hành quy trình về trình tự, thủ tục mua sắm thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên bệnh viện Da liễu Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-BVDL ngày 05/06/2025 của Giám đốc Bệnh viện Da liễu về việc phê duyệt danh mục, yêu cầu kỹ thuật và nguồn vốn mua sắm thuốc và thiết bị y tế bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên bệnh viện theo hình thức dịch vụ (đợt 2/2025);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng mua sắm thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên Bệnh viện Da liễu Đồng Nai ngày 20/6/2025 về việc lựa chọn bảng báo giá và nhà cung cấp thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên bệnh viện theo hình thức dịch vụ đợt 2/2025;

Xét đề nghị của Khoa Dược và Xét nghiệm tại Tờ trình số 300/TTr-KD&XN ngày 23/6/2025 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên bệnh viện theo hình thức dịch vụ đợt 2/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên bệnh viện theo hình thức dịch vụ đợt 2/2025 với các nội dung như sau:

Nhà cung cấp được xét chọn: 85 nhà cung cấp [theo phụ lục 1];

Danh mục thuốc và nhà cung cấp được xét chọn: 286 mặt hàng [theo phụ lục 2.1];

Danh mục thiết bị y tế và nhà cung cấp được xét chọn: 16 mặt hàng [theo phụ lục 2.2];

Nguồn kinh phí: nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng;

Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2. Giao Khoa Dược và Xét nghiệm phối hợp Phòng Tài chính - Kế toán căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, thông báo tới nhà cung cấp tiến hành ký hợp đồng mua bán theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Hội đồng mua sắm thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên bệnh viện; Khoa Dược và Xét nghiệm; Phòng Tài chính - Kế toán; các khoa/phòng liên quan và các nhà cung cấp có tên trong quyết định chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT.



Lê Thị Thái Hà



PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH NHÀ CUNG CẤP ĐƯỢC XÉT CHỌN
(Định Kém Quyết định số: 150/QĐ-BVĐL, ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Đa liễu)

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Số lượng mặt hàng được xét chọn	Ghi chú
I	Thuốc			
1	Công ty Cổ phần Azenca	112, đường N10, KDC Võ Thị Sáu, KP7, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	2	
2	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Tầng 15, phòng 1508, tòa nhà Vincom center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	4	
3	Công ty Cổ phần Dược Đại Nam	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	3	
4	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa	74 Thống Nhất, phường Vạn Thanh, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	19	
5	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	5	
6	Công ty Cổ phần Dược Medibros Miền Nam	246-248 Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	3	
7	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế	5	
8	Công ty Cổ phần Dược Nam Đồng	số 15 đường số 1, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	1	
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	27, Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang	14	
10	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Phú Minh	số 20, đường B6, phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	3	
11	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	số 43, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương	5	
12	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, hện Thường Tín, TP. Hà Nội	4	
13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - CN Đồng Nai	K44/45, KP1, phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	3	
14	Công ty Cổ phần Dược phẩm IP	58/101 Nguyễn Minh Hoàng, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	4	
15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hà	69 đường số 75, khu phố 2, phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	3	
16	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khương Duy	NN1-NN1A Bạch Mã, phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	4	

17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medbolide	Phòng 9, Lầu 10, Tòa nhà The EverRich 1, số 968 đường 3/2, phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	3	
18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long	174/107/14 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	10	
19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Lô 201-02-03A, KCN trong khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	4	
20	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Hà Nội	số 2 Hàng Bài, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (CN: 27B Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh)	2	
21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Số 87, Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội (CN: 297/24A Lý Thường Kiệt, P.15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh)	1	
22	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vạn Khang	38 Bé Văn Đàn, phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	9	
23	Công ty Cổ phần Dược phẩm VCP	thôn Thạc Lỗi, xã Thanh Sơn, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	1	
24	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà	số 4 Lô 4, Trường Sơn, phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	3	
25	Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Thuận	192 Nguyễn Hội, phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	2	
26	Công ty Cổ phần Gonsa	88 đường Phạm Thi Tân, phường 4, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	9	
27	Công ty Cổ phần Gotech Pharma	68, tổ 19, KP3A, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	2	
28	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka	11/2B, KP6, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	14	
29	Công ty Cổ phần Santav	90, đường 102 Cao Lỗ, phường 4, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	2	
30	Công ty Cổ phần Tập đoàn Merap	Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	1	
31	Công ty Cổ phần thương mại DP PVN	162L/10 Trường Chinh, P.12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	3	
32	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Y tế Haliphar	Ô số 04, lô TT6D, KĐT mới Tây Nam Hồ Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội (E/c CN: N4B đường Trường Sơn, phường 15, quận 10, TP Hồ Chí Minh)	2	
33	Công ty Cổ phần Us Pharma Usa	Lô B1-10, đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, ấp Bầu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1	
34	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	số 346, Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	10	
35	Công ty CP TMĐV Dược phẩm Thiên Lộc	462/B20, đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	5	
36	Công ty Dược phẩm Đô Thành	Lô 51, đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	1	
37	Công ty Dược phẩm Reliv	Khu A, số 18, đường Lê Thị Sọc, ấp 2A, xã Tân Thanh Tây, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1	

38	Công ty TNHH AFP Pharma	số 4, đường N9A, KDC đường Võ Thị Sáu, KP7, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	2	
39	Công ty TNHH Dược Hoàng Khang	số 05, đường D17 KDC Võ Thị Sáu, khu phố 7, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	2	
40	Công ty TNHH Dược phẩm Atipharm	Lô C16A-2, đường 14, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	9	
41	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	C1A, khu phố 7, phường Bình Đa, TP. Biên Hòa, TP. Hồ Chí Minh	4	
42	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	13.05A tầng 13 Tòa nhà Viettel, 285 Cách Mạng Tháng 8, phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	7	
43	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen	41/1 Lê Văn Thọ, phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	14	
44	Công ty TNHH Dược phẩm IVY	số 22 Lê Tuấn Mậu, phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	1	
45	Công ty TNHH Dược phẩm Kovi	157 Phạm Huy Thông, P.6, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	1	
46	Công ty TNHH Dược phẩm MEDA	số 31, đường 67, khu phố 3, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1	
47	Công ty TNHH Dược phẩm New Far East	Khu văn phòng tầng 7, Cao ốc P&T Office Building, số 27-29Đ, Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	1	
48	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Anh	351/3A Lê Đại Hành, P11, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	2	
49	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Điền	163/14/29 Tô Hiến Thành, phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	1	
50	Công ty TNHH Dược phẩm Quốc tế Blue Diamond	58/252 Âu Cơ, phường 09, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	2	
51	Công ty TNHH Dược phẩm Sao Mộc	số 8, đường 6A, KDC Đại Phúc, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	4	
52	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	số 13 đường 9A, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	2	
53	Công ty TNHH Dược phẩm Tây Sơn	số 62 đường 102 Cao Lỗ, phường 04, Quận 08, TP. Hồ Chí Minh	1	
54	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	12, Nguyễn Hiền, phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	3	
55	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam	160/64 Vườn Lài, phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	6	
56	Công ty TNHH Dược và Thiết bị y tế Tâm Hạnh	61, đường số 10 KDC Nam Long, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	5	
57	Công ty TNHH Đại Bắc - Miền Nam	25/16/17-19-21 Lê Thị Kinh, ấp 19, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1	
58	Công ty TNHH Kim Pharma	47/10c, Phú Thọ, phường 1, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	3	

59	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Triều Giang	27i-29i Cư xá Phú Lâm D, phường 10, quận 6, TP. Hồ Chí Minh	4	
60	Công ty TNHH NACOPHARM MIỀN NAM	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	2	
61	Công ty TNHH Pacific Pharma	37 Nguyễn Nghiêm, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	1	
62	Công ty TNHH Shine Pharma	40/7 Đất Thánh, phường 6, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	2	
63	Công ty TNHH Thiết bị Y tế Ngọc Khánh	252/35 Hương lộ 80, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	1	
64	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Đan Thanh	02-04 lô L, đường số 7, KDC Phú Mỹ, phường Phú Mỹ, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	1	
65	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Khang Huy	42/13 Tôn Thất Hiệp, phường 13, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	2	
66	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Nguyễn Dương	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Nguyễn Dương	2	
67	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Thuận Hóa	47, Lam Sơn, phường 05, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	1	
68	Công ty TNHH Thương mại Phú Hoàng Đạt	số 233/6-8, Lý Thường Kiệt, phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	2	
69	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế và Dược phẩm Nguyễn Khôi	khu phố 3, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	2	
70	Công ty TNHH Vibran	Số 243/9/12Q Tô Hiến Thành, phường 13, quận 13, TP. Hồ Chí Minh	5	
71	Công ty TNHH Y - Med Healthcare	Số 1-3 đường số 45, phường 9, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	3	
72	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	J37-J38, đường N4, KDC Liên Kế, KP1, phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	2	
73	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai	Lô P73-P78, đường Võ Thị Sáu, khu phố 7, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	10	
74	Chi nhánh Miền Nam Công ty TNHH Dược phẩm VNP	60-62 Bác Ái, phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	4	
75	Công ty Cổ phần AFP Gia Vũ	Số 69, phố Lãn Ông, phường Hàng Bỏ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	2	
II Thiết bị y tế				
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Phú Minh	số 20, đường B6, phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	2	
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Namex	số 107, tầng 1, tòa nhà CT3A(M7) Mipeccityview, đường Lê Xuân Diệp, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	1	
3	Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu tư Y tế Haliphar	Ô số 04, lô TT6D, KĐT mới Tây Nam Hồ Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội (Đ/c CN: N4B đường Trường Sơn, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh)	1	

4	Công ty Chăm sóc Khỏe và Đẹp Việt Nam	9/60, Phạm Văn Hai, P.1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	2	
5	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	số 23, Đại Lộ Độc Lập, KCN Việt Nam Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	1	
6	Công ty TNHH Dược phẩm Eva	68, đường số 14, KDC Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	2	
7	Công ty TNHH Dược phẩm Novopharm MN	490A, Điện Biên Phủ, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1	
8	Công ty TNHH Picare Việt Nam	38/11, Nguyễn Giản Thanh, phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	3	
9	Công ty TNHH Dược phẩm Tymepharco	1686/9/2/9 tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	2	
10	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Pariskin	số 37, đường Quách Giai, khu phố 10, đường Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1	
Tổng cộng: 85 nhà cung cấp				

PHỤ LỤC 2.1:

PHỤ LỤC 2.1: PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC VÀ NHÀ CUNG CẤP ĐƯỢC XÉT CHỌN

(Đính kèm Quyết định số: 150/QĐ-BVĐL, ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Đa liêu)

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Nhóm 2	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed DT 875mg/125mg	875mg + 125mg	Uống	Viên nén phân tán	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc/ Việt Nam	Hộp 2 vi x 7 viên	Viên	12.000	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
2	Nhóm 1	Amoxicilin; Acid Clavulanic	Ardineclav 500/125	500mg; 125mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Laboratorio Reig Jofre, S.A, Spain	Hộp 12 gói	Gói	13.200	Công ty TNHH Viban
3	Nhóm 2	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed DT 500mg/125mg	500mg + 125mg	Uống	Viên nén phân tán	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Hộp 2 vi x 7 viên	Viên	9.180	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
4	Nhóm 3	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	Klamenti 250/31,25	250mg + 31,25mg	Uống	thuốc cốm pha hỗn dịch uống	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang_ Việt Nam	hộp 24 gói x 1g	gói	3.129	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai
5	Nhóm 2	Amoxicilin; Acid clavulanic	Imefed SC 250mg/62,5mg	250mg; 62,5mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	CN Cty CP DP Imexpharm - Nhà máy kháng sinh CNC Vĩnh Lộc - Việt Nam	Hộp 12 gói 0,8g	Gói	8.850	Công ty Cổ phần thương mại DP PVN
6	Nhóm 2	Amoxicilin + acid clavulanic	Lanam SC 200mg/28,5mg	200mg + 28,5mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc- VN	Hộp 12 gói x 0,8g	Gói	6.825	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - CN Đồng Nai
7	Nhóm 2	Amoxicilin + Acid clavulanic	Biocemet tab 500mg/62,5mg	500mg + 62,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc- VN	Hộp 2 vi x 7 viên	Viên	8.925	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - CN Đồng Nai

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
8	2	Amoxicilin + Sulbactam	Bactamox 1,5g	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương-VN	Hộp 10 lọ	Lọ	54.999	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - CN Đồng Nai
9	5	Benzathin Benzylpenicilin	Benzathin Benzylpenicilin 1.200.000UI	1.200.000UI	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm VCP/Việt Nam	Hộp 50 lọ	Lọ	15.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
10	1	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrate)	Garosi	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Bluepharma - Industria Farmaceutica, S.A/ Bồ Đào Nha	Hộp 1 vỉ x 3 viên	Viên	54.500	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
11	2	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Zaromax 500	500mg	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang_ Việt Nam	hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	5.250	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai
12	2	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Zaromax 250	250mg	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang_ Việt Nam	hộp 10 vỉ x 6 viên	viên	2.750	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai
13	4	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Agitro 500	500mg	Uống	Viên nén bao phim	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 3 viên	Viên	2.580	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
14	4	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	DOCIFIX 200MG	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO/ Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	2.100	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
15	Nhóm 1	Cefixime	Effixent	200mg	Uống	Viên nang cứng	S. C. Antibiotice S.A./ Rumani	Hộp 1 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	23.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm IP

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
16	2	Cefixim	Imexime 200	200mg	Uống	Viên nang cứng	Chi nhánh 3 - Công ty CPDP Imexpharm tại Bình Dương - Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	7.150	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
17	Nhóm 2	Ceftriaxon	Ceftriaxone 500	0,5g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl - Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	19.000	Công ty Cổ phần AFP Gia Vũ
18	2	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Negacef 500	500mg	Uống	viên nén bao phim	Công ty cổ phần Pympharco / Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên	6.650	Công ty Cổ phần Azenca
19	3	Cefuroxime	CEFURICH 500	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	CÔNG TY CP US PHARMA USA/ Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên	13.000	Công ty TNHH Kim Pharma
20	BDG	Cefuroxime axetil	Zinnat Suspension	125mg/5ml Cefuroxime, 50ml	Uống	Cốm pha huyền dịch uống	Anh	Hộp 1 chai	Chai	121.617	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2
21	BDG	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat tablets 250mg	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Anh	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	12.510	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2
22	BDG	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat tablets 500mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Anh	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	22.130	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2
23	2	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin HCL)	Cifga	500mg	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang_ Việt Nam	hộp 2 vỉ x 10 viên	viên	889	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai
24	3	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	729	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
25	2	Clindamycin (dưới dạng clindamycin hydrochlorid)	Clindamycin STELLA 150 mg	150mg	Uống	viên nang cứng	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khương Duy	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	1.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khương Duy

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
26	4	Clindamycin	Hyuga	300mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1.370	Công ty TNHH Dược phẩm Atipharin
27	4	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin hydroclorid)	Hyuga 150mg	150mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Hộp 5 vỉ x 10 viên	viên	685	Công ty TNHH Dược phẩm Atipharin
28	4	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin hydroclorid)	Clyodas 300	300mg	Uống	Viên nang cứng	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar) / Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	1.365	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)
29	4	Clindamycin (dưới dạng clindamycin phosphat)	Clingel	10mg (dưới dạng clindamycin n phosphat 11,88 mg/g; 30g	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hànội	Hộp 1 tuýp 30g	Tuýp	75.000	Chi nhánh Miền Nam Công ty TNHH Dược phẩm VNP
30	3	Clarithromycin	Clarithromycin 500	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	2.900	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
31	4	Clarithromycin	ENCLACIN 250MG	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO/ Việt Nam	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	2.310	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
32	4	Clarithromycin	Agiclar 500	500mg	Uống	Viên nén bao phim	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên	2.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
33	Nhóm 4	Doxycyclin (dưới dạng Doxycyclin hyclat)	Idarox	100mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv – Việt Nam	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	520	Công ty Dược phẩm Reliv
34	2	Mupirocin	Aipenxin Oimment	20mg/1g	Bôi ngoài da	Thuốc mỡ/Dùng ngoài	Tai Guk Pharm. Co., Ltd. Hàn Quốc	Hộp 1 tuýp 10g	Túp	69.972	Công ty TNHH Đại Bắc - Miền Nam

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
35	2	Mupirocin	Bacterocin Oint.	Mỗi gram thuốc chứa: MUPIROCIN 20mg	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Genuone Sciences Inc./Hàn Quốc	Hộp 1 tuýp / 15g	Tuýp	105.000	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Điền
36	4	Mupirocin	Loturocin	2%; 5g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 5g	Tuýp	27.289	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
37	4	Mupirocine	Atimupicin	100mg/5g	Dùng ngoài	Dùng ngoài	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Hộp 1 Tuýp x 5g	Tube	29.100	Công ty TNHH Dược phẩm Atipharm
38	2	Metronidazol	Metronidazol 250	250mg	Uống	viên nén	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang_ Việt Nam	hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	252	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai
39	4	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên	122	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
40	4	Metronidazol	Gelacmeigel	1%; 15g	Dùng ngoài	Gel bôi da	Cty CP Dược Medipharco-VN	Hộp 1 tuýp 15 gam	Tube	16.000	Công ty Cổ phần Dược Medipharco
41	2	Minocyclin	Zalenka	50mg	Uống	Viên	Công ty cổ phần Đạt Vi Phú/ Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	7.390	Công ty TNHH Thương mại Phú Hoàng Đạt
42	4	Minocyclin (dưới dạng minocyclin hydrochlorid)	Vinocyclin 50	50mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty CP DP Me Di Sun . Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	7.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long
43	2	Levofloxacin	BORAFLOX Tab	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Korea Arlico Pharm. Co., Ltd. - Hàn Quốc	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	16.000	Công ty CP TMDV Dược phẩm Thiên Lộc
44	4	Levofloxacin	LEVOLEO	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Công Ty TNHH BRV Healthcare- Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên nén bao phim	Viên	9.000	Công ty TNHH Dược và Thiết bị y tế Tâm Hạnh

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
45	3	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Kaflovo	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 05 viên	Viên	910	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
46	1	Tyrosin	Tyrosur Gel	5mg/5g	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Engelhard Arzneimittel GmbH & Co.-KG / Đức	Hộp 1 tuýp 25g; Hộp 1 tuýp 5g gel bôi ngoài da	Tuýp	63.000	Công ty TNHH Dược phẩm IVY
47	3	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid)	Moloxcin 400	400mg	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang_ Việt Nam	hộp 1 vỉ x 10 viên	viên	21.000	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai
48	2	Ofloxacin	Ofcin	200mg	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang_ Việt Nam	hộp 2 vỉ x 10 viên	viên	624	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai
49	2	Linezolid*	SaViLifen 600	600mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP SaVi-VN	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 1 chai x 60 viên	viên	16.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi
50	4	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Vancomycin 1000 A.T	1000mg	Tiền	Thuốc tiêm đông khô	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên-VN	Hộp 1 lọ + 2 ống dm 10 ml	Lọ	42.000	Công ty TNHH Dược phẩm Atipham
51	1	Fluconazole	Diffazon 150mg	150mg	Uống	Viên nang cứng	KRKA, D.D., Novo Mesto- Slovenia	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Viên	21.987	Công ty Cổ phần Dược Nam Đồng
52	2	Fluconazol	Fluconazol 150	150mg	Uống	viên nang cứng	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang_ Việt Nam	hộp 1 vỉ x 1 viên	viên	6.800	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai
53	Nhóm 1	Itraconazol	Sputit	100mg	Uống	Viên nang cứng	S.C. Slavia Pharm S.R.L./ Romania	Hộp 6 vỉ x 5 viên	Viên	14.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm IP

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
54	4	Itraconazol	Itrucogal 200mg	200mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar, Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	14.994	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vạn Khang
55	Nhóm 1	Itraconazol (dưới dạng Itraconazole pellets 22%) 100 mg	Itrozol 100 mg Capsules	100 mg	Uống	Viên nang cứng	Arena Group S.A. - Romania	Hộp chứa 3 vỉ x 5 viên	Viên	14.700	Công ty CP TMDV Dược phẩm Thiên Lộc
56	4	Itraconazol (dưới dạng vỉ hạt chứa Itraconazol 22% kl/kl)	Ifatrax	100mg	Uống	Viên nang cứng	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 4 vỉ x 4 viên, 3 vỉ x 10 viên	Viên	4.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
57	1	Itraconazole	Sporal	100mg	Uống	Viên nang cứng	Ý	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Viên	14.200	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
58	5	Miconazole	Vadikiddy	2%	Dùng ngoài	Gel rơ miệng họng	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap, VN	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	25.000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Merap
59	N5	Miconazol	Myconazol 2% cream	0,02; 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Liên doanh Meyer-BPC - Việt Nam	Hộp 01 tuýp x 15g	Tuýp	21.000	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam
60	4	Miconazol nitrat	Micospray	0,3g/15ml	Dùng ngoài	Nhũ tương dùng ngoài	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội/ Việt Nam	Hộp 1 lọ 15ml	Lọ	90.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
61	4	Terbinafin	Cyperdin 250mg	250mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar, Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	6.867	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vạn Khang
62	4	Terbinafin hydroclorid	Kem Tenafin 1%	10mg/1g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam	Hộp 01 tuýp 15g	Tuýp	25.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm VCP
63	2	Terbinafine hydrochloride 150mg/15g	Tenafine cream	150mg/15g	Dùng ngoài da	Kem bôi ngoài da	Dae Hwa Pharmaceutical Co, Ltd- Hàn Quốc	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	66.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
64	4	Terbinafin hydroclorid	Fugafin	10mg/1g	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội/ Việt Nam	Hộp 1 lọ 15ml	Lọ	75.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
65	4	Griseofulvin	Gifaldin 500	500mg	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm- Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	1.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
66	4	Ketoconazol	Ketovazol 2%	2%	Dùng ngoài	Kem bôi da	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Hộp 1 tuýp 5g	Tuýp	3.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
67	4	Ketoconazol	Ketoconazol	2%; 5g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Cty CP Dược Medipharco	Hộp 1 tuýp 5 gam	Tuýp	2.800	Công ty Cổ phần Dược Medipharco
68	5	Mỗi 1g kem chứa: Clotrimazol 10mg	Biroxime	1%/20g	Dùng ngoài	Thuốc kem	Agio Pharmaceuticals Ltd. - Ấn Độ	Hộp 1 tuýp 20g	Tuýp	17.000	Công ty TNHH Y - Med Healthcare
69	4	Clotrimazol	Cafunten	1%; 10g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Cty CP Dược Medipharco	Hộp 1 tuýp 10 gam	Tube	5.600	Công ty Cổ phần Dược Medipharco
70	Nhóm 5	Clotrimazole	Candid	1% (w/w)	Dùng ngoài	Cream	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Hộp 1 Tuýp 20g	Tuýp	18.999	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
71	Nhóm 5	Mỗi chai 60ml chứa: Clotrimazol + Selenium Sulfid	Candid TV	600mg + 1500mg	Dùng ngoài	Hỗn dịch dùng ngoài da	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Hộp 1 chai 60ml	Chai	98.954	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
72	4	Bilastin	Bolaxton	20mg	Uống	Viên nén	Cty CPDP Boston Việt Nam/Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2.090	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
73	4	Bilastine	Colpurin 20mg	20mg	Uống	Viên nén	Công ty CP dược phẩm Wealpar, Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	3.388	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vạn Khang
74	2	Ebastin	Ebifanz	10mg	Uống	Viên	The ACME Laboratories Page 8 Ltd -Bangladesh	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3.850	Công ty TNHH Dược phẩm Kovi

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
75	4	Ebastin	Atirin 10	10mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	500	Công ty TNHH Dược phẩm Atipharm
76	4	Fexofenadin	Fixco 180	180mg	Uống	Viên nang	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Me Di Su n/ Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5.050	Công ty TNHH Kim Pharma
77	4	Fexofenadin	Fexofenadin 60-US	60mg	Uống	Viên nang	CÔNG TY CP US PHARMA USA/ Việt Nam	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	1.230	Công ty TNHH Kim Pharma
78	3	Fexofenadin hydroclorid	Danapha-Telfadin 180	180 mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha - Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	4.200	Công ty Cổ phần Dược Danapha
79	3	Fexofenadin hydroclorid	Danapha-Telfadin	60 mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha - Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	1.890	Công ty Cổ phần Dược Danapha
80	N4	Fexofenadin	Rutantop	30mg/5ml x 70ml	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty cổ phần Dược phẩm và sinh học y tế; Việt Nam	Hộp 1 chai 70ml	Chai	126.500	Công ty TNHH Viban
81	4	Fexofenadin hydroclorid	Bostekid 30mg granules	30mg	Uống	Cốm pha hỗn dịch	Công ty CP dược Vật tư y tế Hà Nam - Việt Nam	Hộp 30 gói x 1g	Gói	5.399	Công ty TNHH Dược phẩm Sao Mộc
82	2	Cetirizin dihydroclorid	Cetirizin 10 mg	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha - Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	265	Công ty Cổ phần Dược Danapha
83	Nhóm 4	Cetirizin dihydroclorid	Becatec	10mg/ 1.5g	Uống	Siro khô	Công ty cổ phần Dược Enlie - Việt Nam	Hộp 20 gói x 1,5g	Gói	4.500	Công ty Cổ phần Dược Đại Nam
84	1	Cetirizin	Bluecezine	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Bluepharma-Indústria Farmacêutica S.A (Fab. Coimbra) - Portugal	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4.000	Công ty TNHH NACOPHARM MIỀN NAM
85	4	Cetirizin dihydroclorid	Alzyltex	10mg/10ml	Uống	Siro	Cong Ty Cổ Phần Dược Phẩm Và Y Tế Sinh Học- Việt Nam	Hộp 1 chai 90ml	Chai	60.000	Công ty TNHH Dược và Thiết bị y tế Tâm Hạnh

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
86	4	Chlorpheniramin e maleat	Clorpheniramin 4mg	4mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Chai 1000 viên	Viên	25	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
87	4	Desloratadin	Sedno	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH BRV Healthcare/ Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	4.850	Công ty TNHH Pacific Pharma
88	3	Desloratadin	Deslora	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Pymephaco.	Việt Nam	Viên	1.700	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
89	Nhóm 1	Desloratadin	Desloratadine/ Genepharm	5 mg	Uống	Viên nén bao phim	Genepharm S.A. - Greece	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	5.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hà
90	4	Mỗi 1ml chứa: Desloratadin 0,5mg	Bostanex	0,5mg	Uống	Siro	Cty CPDP Boston Việt Nam/Việt Nam	Hộp 1 chai 120ml	Chai	77.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
91	Nhóm 2	Desloratadin	Adivec	0,5mg/ml	Uống	Siro	JSC "Farmak" - Ukraine	Hộp 1 lọ 100ml	Lọ	88.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hà
92	4	Desloratadin	A.T Desloratadin	0,5mg/ml; 90ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Hộp 1 chai 90 ml	Chai	63.000	Công ty Cổ phần thương mại DP PVN
93	2	Desloratadine	Destacure	2,5mg/5ml	Uống	Siro	Gracure Pharmaceuticals Ltd. - Ấn Độ	Hộp 1 chai 60 ml	Chai	68.000	Công ty Cổ phần thương mại DP PVN
94	4	Desloratadine	Delopedil 5mg	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên,	Viên	4.800	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Triều Giang
95	4	Desloratadin	DOMETIN 5MG	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO/ Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	890	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO

s/tt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
96	Nhóm 4	Desloratadin	Bostanex	0,5mg/ml; 100ml	Uống	Siro	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam/ Việt Nam	Hộp 1 chai 100 ml	Chai	45.000	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Nguyễn Dương
97	2	Desloratadin	ZOLASTYN	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	650	Công ty Cổ phần Gonsa
98	4	Desloratadin	Eucol 1,25mg/5ml	1,25mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội/ Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 5 ống 5ml	Ống	5.000	Chi nhánh Miền Nam Công ty TNHH Dược phẩm VNP
99	4	Dexchlorpheniramine maleate	Dexchlorpheniramine Blue	2mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên	52	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
100	4	Loratadin	SM.Loratadin 10	10mg	Uống	Viên nén phân tán	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Viết Nam	Viên	990	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
101	3	Loratadine	Lorastad 10 Tab.	10mg	Uống	Viên nén	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khương Duy
102	2	Loratadin	Loratadine Savi 10	10mg	Uống	Viên nén	Công ty CPDP SaVi-VN	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	219	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi
103	4	Levocetirizine dihydrochlorid	Sun-Levorizin	0,5mg/1ml; ống 5ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed- Việt Nam	Hộp 30 ống x 5ml	Ống	5.350	Công ty TNHH Dược phẩm Sao Mộc
104	4	Levocetirizine dihydrochlorid	Sun-Levorizin	0,5mg/1ml; ống 10ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed- Việt Nam	Hộp 30 ống x 10ml	Ống	8.300	Công ty TNHH Dược phẩm Sao Mộc
105	4	Levocetirizine dihydrochlorid	Clanzen	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	130	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
106	2	Levocetirizine dihydrochlorid	Vezyx	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	322	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
107	3	Levocetirizin	STADELTINE	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	2.000	Công ty Cổ phần Santav
108	2	Levocetirizin dihydrochlorid	ACRITEL-10	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	2.990	Công ty Cổ phần Gonssa
109	4	Rupatadine	Dipatin	1mg/ml; 10ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty CP Dược VITYT Hà Nam, Việt Nam	Hộp 20 ống x 10ml	Ống	12.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vạn Khang
110	4	Rupatadine	Dipatin	1mg/ml; 5ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty CP Dược VITYT Hà Nam, Việt Nam	Hộp 20 ống x 5ml	Ống	6.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vạn Khang
111	2	Rupatadin (dưới dạng Rupatadin fumarat)	SaVi Rupatadine 10	10mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi, VN	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	5.900	Công ty TNHH Dược phẩm MEDA
112	1	Rupatadine (dưới dạng Rupatadine fumarate)	Rupafin	10mg	Uống	Viên nén	Noucor Health, S.A.- Tây Ban Nha	Hộp/ 1 vỉ x 10 viên	Viên	6.500	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Đan Thanh
113	4	Aciclovir	Aciclovir 800mg	800mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 05 viên	Viên	999	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hòa
114	4	Aciclovir	Agiclovir 400	400mg	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm-Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	945	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
115	4	Aciclovir	Agiclovir 200	200mg	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
116	3	Acyclovir	Acyclovir Stella 800 mg	800mg	Uống	Viên nén	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Viên	4.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khương Duy

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
117	2	Acyclovir	ASIMPLEX 250 mg Lyophilized Powder for Solution for Infusion	250mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	CSSX: Aroma Ilaç San. Ltd. ŞtiCSC TN XXL: Polifarma Ilaç San. ve Tic. A.Ş- Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 1 lọ	Lọ	246.950	Công ty TNHH Dược phẩm New Far East
118	Nhóm 1	Deflazacort	Dezfast 6mg tablet	6 mg	Uống	Viên nén	Lacer, S.A - Spain	Hộp 1 vỉ x 20 viên; Hộp 3 vỉ x 20 viên	Viên	10.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hà
119	Nhóm 4	Deflazacort	Tamdeflo 6	6mg	Uống	Viên nén	Công ty CP DP Me Di Sun/ Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	7.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medbolide
120	2	Deflazacort	Halcort-6	6mg	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	7.040	Công ty TNHH Thương mại Phú Hoàng Đạt
121	4	Methyl prednisolon	ID-Arsolone 4	4mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1.050	Công ty Cổ phần AFP Gia Vũ
122	3	Methylprednisolon	Methylprednisolon 16	16mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	676	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
123	3	Methyl prednisolon	Menison 4mg	4mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Pymepharco / Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	840	Công ty Cổ phần Azenca
124	2	Methylprednisolon	Medlon 16	16mg	Uống	viên nén	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang Việt Nam	hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	1.270	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai
125	1	Methylprednisolon	Medrol	16mg	Uống	viên nén	Pfizer Italia S.R.L.	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3.672	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
126	4	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Berztin DT 5	5mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun, VN	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Viên	980	Công ty TNHH Shine Pharma

srt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
127	4	Prednison	FUFRED 5MG	5mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại được phẩm Đông Nam- Việt Nam	Chai 500 viên nén	Viên	650	Công ty TNHH Dược và Thiết bị y tế Tâm Hạnh
128	4	Prednisolone (dưới dạng Prednisolone sodium phosphate)	Atiflapred	2mg/ml (0,2% kl/t); 60ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty CP dược phẩm An Thiên; Việt Nam	Hộp 1 chai 60ml (kèm 1 ống phân liều)	Chai	54.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vạn Khang
129	Nhóm 4	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Prednisolon sachet	5mg	Uống	Thuốc cốm	Công ty cổ phần dược VacoPharm/ Việt Nam	hộp 12 gói, 24 gói, 30 gói, 50 gói, 100 gói, 200 gói, 300 gói, 500 gói x 1g	Gói	1.590	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Nguyễn Dương
130	5	Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calci clorid.2H2O	RINGER LACTATE	(3g; 0,2g; 1,6g; 0,135g)/500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Chai	7.875	Công ty Cổ phần Gonsa
131	4	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%	0,9%; 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Thùng 30 chai nhựa 250ml	Chai	6.806	Công ty Cổ phần Gonsa
132	4	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%	0,9%; 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Thùng 80 chai nhựa 100ml	Chai	4.904	Công ty Cổ phần Gonsa
133	4	Natri clorid	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9 %	0,9%; 500ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Chai 500ml	Chai	5.740	Công ty TNHH Dược phẩm Atifharm
134	4	Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat)	GLUCOSE 5%	5%; 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Thùng 30 chai 250ml	Chai	7.117	Công ty Cổ phần Gonsa

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
135	1	Isoleucine + Leucine + Lysine hydrochloride (tương đương với Lysine 0,8575gam) + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine + Histidine + Alanine + Glycine + Aspartic acid + Glutamic Acid + Proline + Serine + Tyrosine + Sodium acetate trihydrate + Sodium hydroxide + Potassium acetate + Sodium chloride + Magnesium chloride hexahydrate + Disodium	Aminoplasma B.Braun 5% E	(0,625gam + 1,1125gam + 1,07gam + 0,55gam + 0,5875gam + 0,525gam + 0,20gam + 0,775gam + 1,4375gam + 0,375gam + 1,3125gam + 1,50gam + 0,70gam + 0,90gam + 0,6875gam + 0,2875gam + 0,10gam + 0,34025gam + 0,035gam + 0,61325gam + 0,241gam + 0,127gam + 0,89525gam)/250ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	B. Braun Melsungen AG- Đức	Hộp 10 chai 250ml	Chai	72.420	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
136	1	Paracetamol	Paracetamol Kabi AD	1g/100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Fresenius Kabi Deutschland GmbH- Đức	Hộp 10 lọ 100ml	Lọ	21.740	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2
137	N4	Rosuvastatin	Rosuvastatin Cap DWP 20 mg	20mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	2.550	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
138	N4	Fenofibrat	Flezinox 150	150mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3.350	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam
139	N4	Fenofibrat	Flezinox 50	50mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	1.800	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam
140	4	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat)	Kavasdin 5	5mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	108	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
141	4	Captopril	Captopril	25mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	108	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
142	3	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat)	AMLODIPIN 5 MG	5mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO/ Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	798	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
143	4	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	DOROTOR 20MG	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO/ Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	525	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
144	Nhóm 4	Thiabendazol	Vazigoc	500mg	Uống	Viên nén	Công ty CP DP Phong Phú - CN nhà máy Usarichpharm/ Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	19.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medbolide
145	4	Albendazol	Alzental	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Dược phẩm Shimpoong Daewoo - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 1 viên	Viên	2.100	Công ty TNHH Dược phẩm Shimpoong Daewoo
146	2	Albendazol	SaVi Albendazol 200	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP SaVi	Hộp 1 vỉ x 2 viên	Viên	1.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi
147	2	Albendazol	SaViAlben 400	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP SaVi	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Viên	2.983	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
148	4	Albendazol	Zenipa 200	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược Apimed, VN	Hộp 1 vỉ x 2 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1.590	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Anh
149	2	Ivermectin	Pizar-3	3mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Davipharm)	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Viên	44.890	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm
150	4	Ivermectin	Ebarsun	6mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Hộp 02 vỉ x 2 viên	Viên	10.444	Công ty TNHH Shine Pharma
151	4	Ivermectin	Ivermectin 3 A.T	3mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Viên	5.600	Công ty TNHH Dược phẩm Atipharm
152	N1	Pregabalin	Pregabakern 50mg	50mg	Uống	Viên nang cứng	Kern Pharma S.L. Spain	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Viên	10.920	Công ty TNHH Viban
153	3	Pregabalin	Demencur 75	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CP Dược phẩm Savi; Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vạn Khang
154	4	Gabapentin	Gapfinew	300mg	Uống	Viên nang cứng	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
155	2	Gabapentin	Neubatel	300mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú, VN	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	885	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức
156	2	Paracetamol (acetaminophen)	Partamol Eff.	500mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Hộp 4 vỉ x 4 vỉ x 10 viên	Viên	1.640	Công ty Cổ phần Gotech Pharma
157	1	Paracetamol	Kernadol 650mg Tablets	650 mg	Uống	Viên nén	Kern Pharma S.L. / Tây Ban Nha	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Viên	1.200	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Khang Huy
158	1	Paracetamol (acetaminophen)	PARTAMOL TAB.	500mg	Uống	Viên nén	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1, VN	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	550	Công ty Cổ phần Santav

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
159	1	Paracetamol	Partamol 500 Cap	500mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1, VN	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	950	Công ty TNHH Dược Hoàng Khang
160	3	Meloxicam	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	164	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
161	4	Ibuprofen	Agirofen 200	200mg	Uống	Viên nang cứng	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm-VN	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
162	NI	Rabeprazole sodium	Rabioxin 20mg	20mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất dạng bào chế, đóng gói: Laboratorios Liconsa, S.A. (Cơ sở xuất xưởng: Inbiotech Ltd, Bulgaria)	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Viên	9.300	Công ty TNHH Viban
163	Nhóm 5	Rabeprazole sodium	Theorab-20	20mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Theon Pharmaceuticals Ltd. - India	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	10.000	Công ty CP TMDV Dược phẩm Thiên Lộc
164	4	Omeprazol (dưới dạng vi hạt chứa 8,5% Omeprazol)	OMEPRAZOL 20MG	20mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO/ Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	872	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
165	4	Esomeprazole (dạng vi hạt bao tan trong ruột chứa Esomeprazole magnesium (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate) 22,5%)	Esomeprazol 20mg	20mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	225	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
166	4	Esomeprazol	NESTELOC	40mg	Uống	Viên nang cứng	Công Ty CP US Pharma USA-Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	Viên	3.900	Công ty TNHH Dược và Thiết bị y tế Tâm Hạnh

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
167	2	Pantoprazole	Pantostad 20	20mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Hộp 4 vỉ x 7 viên, vỉ nhôm nhôm	Viên	1.650	Công ty Cổ phần Gotech Pharma
168	Nhóm 4	L-Ornithin L-Aspartat	Melopower	300mg	Uống	Viên nang mềm	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex - Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	3.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Phú Minh
169	Nhóm 4	L-ornithin - L - aspartat	Soluxky 3g	3g	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Wealpar - Việt Nam	Hộp 10 gói x 5g	Gói	28.000	Công ty TNHH Dược phẩm Quốc tế Blue Diamond
170	Nhóm 4	Thymomodulin	Althax	120mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex/ Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm IP
171	Nhóm 2	Thymomodulin	Greenpam Hard Capsule	80mg	Uống	Viên nang cứng	Medica Korea Co., Ltd - Hàn Quốc	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	6.300	Công ty CP TMDV Dược phẩm Thiên Lộc
172	N4	Methionin; Cystein hydroclorid	Meyertenin	350mg; 150mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty Liên doanh Meyer-BPC - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	5.800	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Y tế Haliphar
173	Nhóm 4	Silymarin (dưới dạng cao khô Silybum marianum 311,1mg)	Greenliv 140	140mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty TNHH BRV Healthcare - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3.800	Công ty TNHH Dược phẩm Quốc tế Blue Diamond
174	4	Cao khô silybum marianum 155,55mg	Livermarin 70 (tên mới: Bivicerin)	70mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty TNHH BRV Healthcare Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên,	Viên	3.450	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Triều Giang
175	1	Silymarin	Silygamma	150mg	Uống	Viên bao đường	Dragenopharm Apotheker Puschl GmbH/ Đức	Hộp 4 vỉ x 25 viên	Viên	5.675	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
176	Nhóm 4	Silymarin	Amisea	167mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex - Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	6.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Phú Minh
177	4	Lactobacillus acidophilus	Lactiosyn® H/100	10 [^] 8 CFU	Uống	Viên nang cứng	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar) / Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	1.449	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)
178	2	Metronidazol + neomycin + nystatin	Fungiact	500mg + 65000IU + 100.000 IU	Đặt âm đạo	Viên nén không bao đất âm đạo	Ân Độ	XL Laboratories Pvt., Ltd.	Viên	7.750	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
179	4	Clotrimazol 100mg + metronidazol 500mg	Vag-Lotuzol	100mg + 500mg	Đặt âm đạo	Viên nén đất âm đạo	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	6.738	Công ty TNHH Dược phẩm Hòa Sen
180	4	Clindamycin; Clotrimazol	Vagsur	100mg + 200mg	Đặt âm đạo	Viên nang mềm	Công ty CP Dược phẩm Me Di Sun; Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	19.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vạn Khang
181	1	Metronidazole + Neomycin sulfate + Nystatin	Neo-Tergynan	500mg + 65000 IU + 100000 IU	Đặt âm đạo	Viên nén đất âm đạo	Sophartex, Pháp	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	11.880	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà
182	4	Clotrimazol	Clotrimazol	100mg	Đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Cty CP Dược Medipharco	Hộp 1 vỉ x 6 viên	Viên	987	Công ty Cổ phần Dược Medipharco
183	1	Clotrimazol	Mycoril 500	500mg	Đặt âm đạo	Viên nén đất âm đạo	Remedica LTD, Cyprus	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Viên	64.500	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Y tế Haliphar
184	N4	Dịch chiết lá xoài (Mangiferin)	Gel dùng ngoài Mangizeni	24ml/120ml	Dùng ngoài	Gel dùng ngoài	Công ty cổ phần Dược Nature Việt Nam; Việt Nam	Hộp 1 chai 120ml	Chai	105.000	Công ty TNHH Viban

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
185	4	Lysin + Vitamin + Khoáng chất	Ubinutro	Vitamin B1 26,7mg + Vitamin B2 26,7mg + Vitamin B6 26,7mg + Vitamin PP 24mg + Kẽm sulfat 40mg + Lysine HCl 1200mg; 120ml	Uống	Sirô	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà/ Việt Nam	Hộp 1 lọ 120ml	Lọ	45.000	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
186	Nhóm 4	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	Medi - Neuro Ultra	250mg + 250mg + 1000mcg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Phú Minh
187	4	Vitamin B1 + B6 + B12	MitivitB	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Viên	2.000	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
188	4	Vitamin B1 + B6 + B12	Neurotrivit	100mg + 200mg + 200mcg	Uống	Viên nén bao đường	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	630	Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Thuận
189	4	L-cystin ;Pyridoxin hydroclorid	Cetecocystine B6	500mg; 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên,	Viên	2.450	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Triều Giang
190	1	L-Cystine, Pyridoxine Hydrochloride	Cystine B6 Bailleul	500mg+50mg	Uống	Viên nén bao phim	Laboratoires Galeniques Vernin-Pháp	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Viên	4.930	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà
191	4	L-Cystin	L-CYSTINE 500 MG	500 mg	Uống	Viên nang mềm	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO/ Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	2.200	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
192	4	Acid ascorbic + Kẽm nguyên tố	Cezinco	100mg/5ml + 10mg/5ml; ống 5ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed- Việt Nam	Hộp 30 ống x 5ml	Ống	9.800	Công ty TNHH Dược phẩm Sao Mộc

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
193	Nhóm 2	Vitamin E, Vitamin C, Beta caroten, Kẽm oxid, Đồng oxid, Selen, Mangan sulfat	MAECCRAN	200mg; 250mg; 10mg; 9.337mg; 1.252mg; 15µg; 4.613mg	Uống	Viên nang mềm	GENUPharma Inc., - Hàn Quốc	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	5.000	Công ty CP TMDV Dược phẩm Thiên Lộc
194	4	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	A.T Zinc siro	10mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Hộp 20 x 10ml; hộp 30 x 10ml	Gói/ ống	9.015	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Triều Giang
195	4	Zinc gluconat (Tương đương Zinc 10mg)	Zinc 10	70mg	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
196	4	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	A.T Zinc	10mg	Uống	Viên nén phân tán	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	126	Công ty TNHH Dược phẩm Atipham
197	4	Kẽm gluconat	Phuzibi	20mg	Uống	Viên nén	Công ty TNHH SX-TM được phẩm Thành Nam Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	630	Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Thuận
198	2	Kẽm Gluconat	Zinc	70mg	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang_ Việt Nam	hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	630	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại tỉnh Đồng Nai
199	4	Kẽm gluconat	Conipa pure	70mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội/ Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 5 ống 10ml	Ống	4.500	Chi nhánh Miền Nam Công ty TNHH Dược phẩm VNP
200	4	Kẽm (dưới dạng kẽm gluconat 105mg)	DOZINCO 15 MG	15mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO/ Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1.100	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
201	4	Acid Ascorbic	Vitamin C 250	250mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Chai 200 viên	Viên	135	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
202	2	Acid ascorbic	SaVi C 500	500mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	1.100	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
203	5	Acid Ascorbic	Vitamin C	500mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Chai 200 viên	Viên	199	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
204	4	Vitamin C (dưới dạng ascorbat natri)	Bominity	100mg/10 ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Hộp 4 vỉ x 5 ống 10ml	ống	4.998	Chi nhánh Miền Nam Công ty TNHH Dược phẩm VNP
205	4	Vitamin C	A.T ASCORBIC SYRUP	100mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Hộp 30 ống x 5ml	Ống	2.350	Công ty Cổ phần Gonsa
206	4	Nicotinamid	Vitamin PP	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Chai 200 viên	Viên	158	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
207	4	Retinyl acetat	Agirenyl	5.000IU	Uống	Viên nang	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm-Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	235	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
208	4	Acid folic	Aginfolix 5	5mg	Uống	Viên nang cứng	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	530	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
209	2	Vitamin E	Incepavit 400 Capsule	400mg	Uống	Viên nang cứng	Incepta Pharmaceutical Ltd - Zirabo Plant - Bangladesh	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Viên	1.800	Công ty TNHH NACOPHARM MIỀN NAM
210	4	Vitamin E	Enpovid E400	400UI	Uống	viên nang mềm	Công Ty TNHH Dược Phẩm Đô Thành	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	450	Công ty Dược phẩm Đô Thành
211	4	Dexpanthenol (vitamin B5)	Bequantene	100mg	Uống	Viên nén	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	1.900	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm
212	Nhóm 4	Vitamin H (B8)	Biotin	5mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	1.500	Công ty Cổ phần Dược Medibros Miền Nam
213	Nhóm 4	Vitamin B5	Bequantene	100mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	1.900	Công ty Cổ phần Dược Medibros Miền Nam

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
214	2	Amitriptylin hydroclorid	Amitriptylin 10mg	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Hộp 1 lọ x 500 viên-VN	Viên	700	Công ty Cổ phần Dược Danapha
215	5	Amitriptylin hydroclorid	Amitriptylin	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Chai 500 viên-VN	Viên	176	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
216	4	Alpha lipoic acid	Bivantox 200 tab	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco/ Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	6.986	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
217	4	Alpha lipoic acid	Bivantox 200 tab	200mg	Uống	Viên nén	Công ty CP dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco, Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	6.986	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vạn Khang
218	4	Alphachymotrypsin	Katrpsin Fort	8.400IU	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	349	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
219	4	Acitretin	Fellaini	25mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty CP DP Me Di Sun . Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	17.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long
220	4	Acid tranexamic	Medisamin 250 mg	250mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược Trung Ương Mediplantex-VN	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	1.620	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm
221	Nhóm 4	Acid tranexamic	Medisamin 250mg	250mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	1.620	Công ty Cổ phần Dược Medibros Miền Nam
222	N4	Colchicin	Goutcolcin	0,6mg	Uống	Viên nang cứng	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm - Việt Nam	Hộp 3, 6, 10 vỉ x 10 viên	Viên	980	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
223	4	Colchicin	DOCHICIN 1MG	1mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO/ Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	945	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
224	1	Ciclosporin	Sandimmun Neoral 100mg	100mg	Uống	Viên nang mềm	Nhà sản xuất: Đức; Cơ sở đóng gói & xuất xưởng: Slovenia	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Viên	67.294	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2
225	4	Bột hạt Malva + Xanh methylen + Camphor monobromid	DOMITAZOL	250mg + 25mg + 20mg	Uống	Viên nén bao đường	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO/ Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	2.778	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
226	5	Hydroxy chloroquin sulphat	Bridotyl	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược Enlie, VN	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	4.450	Công ty Cổ phần Dược Đại Nam
227	2	Hydroxychloroquine sulfate	HCQ	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Zydus Lifesciences Limited, India	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4.480	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Hà Nội
228	2	Isotretinoin	SOTRETRAN 10MG	10mg	Uống	Viên nang mềm	Sun Pharmaceutical Industries Ltd-India	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	6.900	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Hà Nội
229	4	Isotretinoin 10 mg	Isotretinoin 10mg	10 mg	Uống	Viên nang mềm	Công ty CP DP Me Di Sun . Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2.360-2.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long
230	4	Isotretinoin	Bomitis	20mg	Uống	Viên nang mềm	Công ty TNHH Phil Inter Pharma, VN	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Viên	5.500	Công ty Cổ phần Dược Đại Nam
231	2	Isotretinoin	ACNOTIN 20	20mg	Uống	Viên nang mềm	Mega Lifesciences Public Company Limited	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	12.900	Công ty Cổ phần Gonsa

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	BVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
232	4	Natri clorid	EFTICOL	10ml	Dung dịch nhỏ mắt, mũi	Dung dịch nhỏ mắt, mũi	Công Ty CP Dược Phẩm 3/2- Việt Nam	Hộp 1 chai x 10ml, Dung dịch nhỏ mắt, mũi	Chai	3.000	Công ty TNHH Dược và Thiết bị y tế Tâm Hành
233	4	Rotundin	Rotundin 60	60mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	590	Công ty Cổ phần Dược Khánh Hòa
234	4	Timolol	Timo Drop	5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội/ Việt Nam	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	35.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
235	4	Kali clorid	Kali Clorid	500mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9-VN	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	800	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
236	2	Calci carbonat + Calci lactat gluconat	CALCIUM STELLA 500 MG	300mg + 2.940mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1-VN	Hộp 1 tuýp 20 viên	Viên	3.500	Công ty Cổ phần Gonsa
237	N2	Calci carbonat	Calcicar 500 Tablet	1.250mg	Uống	Viên nén bao phim	Incepta Pharmaceuticals Limited-Bangladesh	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	3.486	Công ty TNHH Dược Tuệ Nam
238	4	Crotamiton	Crotamiton Stella 10%	2g/20g	Dùng ngoài	kem bôi da	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Hộp 1 tuýp 20g	tuýp	24.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khương Duy
239	5	Adapalen	Akneyash	0,1%; 30g	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Yash Medicare Pvt. Ltd. India	Hộp 1 tuýp 30g	Tuýp	77.900	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm
240	4	Adapalen	Tradalen	0,1%; 15g	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	VN	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	46.900	Công ty TNHH Dược phẩm Tây Sơn
241	4	Mỗi tuýp 15g gel chứa: Adapalen 15mg	Tazoretin	0.1%/ x 15g	Dùng ngoài	Gel bôi da	Công ty CP DP Me Di Sun . Việt Nam	Hộp 1 Tuýp 15g	Tuýp	55.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
242	5	Mỗi 10g gel chứa: Adapalen 10mg	Azanex	10mg/10g	Dùng ngoài	Gel dùng ngoài da	Yash Medicare Pvt. Ltd. - Ấn Độ	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	46.880	Công ty TNHH Y - Med Healthcare
243	4	Mỗi 10 gam gel chứa: Adapalene 10mg; Clindamycin (dưới dạng Clindamycin Phosphat) 100mg	Tazoretin-C	10mg/100mg/10g; 15g	Dùng ngoài	Gel bôi da	Công ty CP DP Me Di Sun . Việt Nam	Hộp 1 tuýp 15g gel	Tuýp	85.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long
244	Nhóm 5	Mỗi gam chứa: Adapalene + Clindamycin (dưới dạng Clindamycin phosphat)	Klenzit-C	1mg + 10mg	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	125.715	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
245	4	Mỗi tuýp 15g gel chứa: Adapalen 15mg Benzoyl Peroxide (dưới dạng Hydrous Benzoyl Peroxide) 375mg	Azaduo	0,1% + 2,5%; 15g	Dùng ngoài	Gel bôi da	Công ty CP DP Me Di Sun . Việt Nam	Hộp 1 tuýp nhôm 15 g gel	Tuýp	125.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long
246	4	Clobetasone butyrate	Eutyrate	0,0005	Dùng ngoài	Kem	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Hộp 1 Tuýp x 5g	Tube	17.500	Công ty TNHH Dược phẩm Atipharm
247	2	Clobetasol 17-Propionate	Bersola Cream	0,5 mg	Dùng ngoài	Cream	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd. / Đài Loan	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	32.000	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Khang Huy
248	4	Clobetasol propionat	Betaclo	0,05%; 10g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Công ty Cổ phần US Pharma USA-VN	Hộp 1 tuýp x 10g	Tuýp	6.700	Công ty Cổ phần Us Pharma Usa
249	5	Clobetasol propionat micronised 0,05 % (w/w)	Tralop 0,05%	0,05 %	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma, VN	Hộp 1 tuýp x 15 gam	Tuýp	9.500	Công ty TNHH Thiết bị Y tế Ngọc Khánh

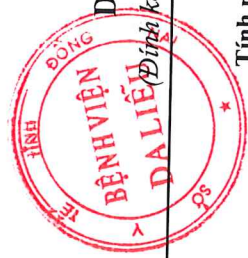
stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
250	4	Betamethason dipropionat	Lotusone	0,064%; 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	24.069	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
251	4	Betamethason dipropionat	Lotusone	0,064%; 20g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20g	Tuýp	26.980	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
252	4	Betamethason dipropionat	Lotusone	0,064%; 30g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 30g	Tuýp	25.099	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
253	2	Betamethason	Asbesone	0,5mg/1g; 30g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Replek Farm Ltd. Skopje; Macedonia	Hộp 1 tuýp 30g	Tuýp	61.500	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế và Dược phẩm Nguyễn Khôi
254	4	Betamethason	Betamethason	0,064%; 30g (dạng muối dipropionat)	Dùng ngoài	Gel bôi da	Cty CP Dược Medipharco, VN	Hộp 1 tuýp 30 gam	Tuýp	23.499	Công ty Cổ phần Dược Medipharco
255	4	Tuýp 10g chứa: Betamethason dipropionat; Clotrimazol	Lobetamol	6,4mg + 100mg	Dùng ngoài	Kem bôi da	VN	Hộp 01 tuýp x 10g	Tuýp	15.000	Công ty TNHH Dược Hoàng Khang
256	1	Ciclopirox olamin	Pirolam	10 mg/g	Dùng ngoài	Gel	Pharmaceutical Works POLPHARMA S.A.; Medana branch in Sieradz- Ba Lan	Hộp 1 tuýp 20g	Tuýp	98.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
257	Nhóm 4	Capsaicin	Zocger	0,075%, tuýp 45g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần dược Medipharco/ Việt Nam	Hộp 1 tuýp 45g	Tuýp	178.668	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medbolide
258	4	Calcipotriol	Cipostril	1,5mg	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm-Việt Nam	Hộp 1 tuýp 30g	Tuýp	84.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
259	4	Calcipotriol (dưới dạng calcipotriol monohydrat); Betamethason (dưới dạng betamethason dipropionat)	Bometan	50 mcg + 0,5 mg (dưới dạng calcipotriol monohydrat 52,2mcg + betamethason dipropionat 0,643mg)/g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội/ Việt Nam	Tuýp 15g. Hộp 1 tuýp	Tuýp	180.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
260	2	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Asosalic	(30mg + 0,5mg)/30g; 30g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Replek Farm Ltd. Skopje; Macedonia	Hộp 1 tuýp 30g	Tuýp	95.000	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế và Dược phẩm Nguyên Khôi
261	4	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Bidotalic	(3% + 0,064%)/15g; 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Công ty CPDP Bidopharma USA - Chi nhánh Long An	Việt nam	Tube	13.650	Công ty Cổ phần Khoa học Dược phẩm Isaka
262	4	Salicylic acid + Betamethason dipropionat	Betasalic	3%+0,064%; 15g	Dùng ngoài	Mỡ bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	15.568	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
263	4	Mỗi 1g kem chứa: Betamethason(dưới dạng betametason dipropionat) 0,5 mg; Acid salicyclic 20 mg	Crederm Lotion	0,5 mg (0,64mg) / 20 mg/1g; 20ml	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Công ty CP DP Me Di Sun . Việt Nam	Hộp 1 lọ , 40ml	Lọ	120.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long
264	4	Mỗi 1g kem chứa: Betamethason(dưới dạng betametason dipropionat) 0,5 mg; Acid salicyclic 20 mg	Crederm Lotion	0,5 mg (0,64mg) / 20 mg/1g; 20ml	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Công ty CP DP Me Di Sun . Việt Nam	Hộp 1 lọ , 20ml	Lọ	60.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
265	4	Mỗi 1g thuốc mỡ chứa: Betamethason (dưới dạng betamethason dipropionat) 0,5 mg ;Acid salicylic 30 mg	Crederm Ointment	0,5 mg (0,64mg), 30 mg/1g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Công ty CP DP Me Di Sun . Việt Nam	Hộp 1 Tuýp 20g	Tuýp	45.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phúc Long
266	4	Fucidic acid + Betamethason	Pesancort	2%+0,1%; 10g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	26.989	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
267	4	Fucidic acid + Betamethason	Pesancort	2%+0,1%; 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	41.920	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
268	4	Fucidic acid	Pesancidin	2%; 5g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 5g	Tuýp	13.990	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
269	4	Fucidic acid	Pesancidin	2%; 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	42.950	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
270	4	Fucidic acid - Hydrocortison acetat	Pesancidin-H	2% + 1%;10g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	46.998	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
271	Nhóm 4	Fusidic acid ; Hydrocortisone acetate	Corsidic H	2% (w/w); 1% (w/w), 10g	Dùng ngoài	Thuốc kem	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	46.998	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
272	5	Acid fusidic 300mg; Betamethason (dưới dạng Betamethason valerat)	Befucid	(2% + 0,1%); 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex, VN	Hộp 1 tuýp x 15 gam	Tuýp	33.600	Công ty TNHH AFP Pharma
273	4	Hydrocortison	Forsancort	1%; 10g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	17.920	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
274	4	Hydrocortison	Forsancort	1%; 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	26.890	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
275	5	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	Tacrolim 0,03%	0,3mg/1g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 10 gam	Tuýp	35.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
276	5	Tacrolimus monohydrat	Tacrohope	0,1%/10g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Yash Medicare Pvt. Ltd.; Ấn Độ	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	64.000	Công ty TNHH Y - Med Healthcare
277	4	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	Tacrolim 0,1%	1mg/1g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 10 gam	Tuýp	53.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
278	4	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	Tacrolim 0,1%	1mg/1g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Cty CPDP Boston Việt Nam/Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 30 gam	Tuýp	190.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
279	4	Triamcinolon Acetonid	Mouthpaste	5mg	Gel bôi niêm mạc miệng	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Công ty Cổ phần Dược Medipharco - Việt Nam	Hộp 1 tuýp 5g	Tuýp	18.000	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen
280	4	Urea	A.T Urea 20%	Mỗi 10g kem bôi da chứa Urea 2g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	29.998	Công ty TNHH APP Pharma
281	4	Povidone iodine	Povidone	10%	Dùng ngoài	DD dùng ngoài	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Hộp 1 chai nhựa chứa 20ml	Chai	5.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
282	Nhóm 1	Mometason furoat	Mobfort	1mg/g; 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Balkanpharma-Razgrad AD/ Bungary	Hộp 1 Tuýp x 15g	Tuýp	230.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm IP
283	5	Mometasone Furoate 0,1% (w/w)	ESOJAY	0,1%	Dùng ngoài	Kem bôi da	Aurochem Laboratories (India) Pvt.Ltd - Ấn Độ	Hộp 1 Tuýp x 15gam	Tuýp	51.400	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức
284	4	Mometason furoat	Apimonta 0,1% Lotion	0,1%; 10g	Dùng ngoài	Lotion	Công ty cổ phần dược Apimed/ Việt Nam	Hộp 1 chai 10g	Tuýp	50.000	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Anh

stt	Nhóm	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhà sx, nước sx	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
285	5	Dimethicone, Zinc oxide, Calamine, Cetrimide	NORASH	20%; 7,5%; 1,5%; 1,125%	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	hộp 1 tuýp 20g	tuýp	24.900	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Thuận Hóa
286	1	Erythromycin + Tretinoin	Erylik	4% + 0,025%	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Laboratoires Chemineau - Pháp	Hộp 1 ống nhôm 30g	Ống	113.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà
Tổng số: 286 mặt hàng											



PHỤ LỤC 2.2:
DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ VÀ NHÀ CUNG CẤP ĐƯỢC XÉT CHỌN

Đính kèm Quyết định số: 150/QĐ-BVĐL, ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Da Liễu)

STT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Tên thương mại	Nhà sx, nước sx	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Gel làm giảm sẹo	Trong 1g gel chứa: Dimethicone 0,68g + Cyclomethicone 0,1g + Dimethiconol 0,05g + Dimethicone Crosspolymer 0,05g + Trimethylsiloxysilicate 0,05g + Squalane 0,05g + C30-45 Alkyl/dimethylsilyl Polypropylsilsesquioxane 0,02g	FORSCAR SCAR RECOVERY GEL 10ML	Alpaya Dogal Ve Kozmetik Urunleri Sanayi Ve Ticaret A.S - Thổ Nhĩ Kỳ	Dùng ngoài	Gel	Hộp 1 tuýp 10ml	Hộp	462.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Phú Minh
2	Gel làm giảm sẹo	Trong 1g gel chứa: Dimethicone 0,5g + Cyclomethicone 0,075g + Dimethiconol 0,04g + Dimethicone Crosspolymer 0,05g + Isopropyl Myristate 0,04g + Ethylhexyl Methoxycinnamate 0,06g + Octocrylene 0,06g + Trimethylsiloxysilicate 0,05g + Squalane 0,05g + Ethylhexyl Salicylate 0,05g + Benzophenone-3 0,005g + C30-45 Alkyl/dimethylsilyl Polypropylsilsesquioxane 0,02g	FORSCAR SCAR RECOVERY GEL UV 30 SPF 10ML	Alpaya Dogal Ve Kozmetik Urunleri Sanayi Ve Ticaret A.S - Thổ Nhĩ Kỳ	Dùng ngoài	Gel	Hộp 1 tuýp 10ml	Hộp	500.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Phú Minh
3	Gel bôi vết thương hở giảm hình thành sẹo trên da	Nước, Glycerin, Carbomer, elastin thủy phân, sodium hyaluronate, Vitamin E, D-panthenol, Tocopheryl Acetate, Benzoic acid, Dehydroacetic acid, Ethylhexylglycerin, Triethanolamine, Phenoxyethanol/Propylene glycol, Pentylene Glycol, chiết xuất thảo dược từ cây đề gai, cây mộc liên, cây hắc mai, cây macca, hạt dẻ ngựa.	Gel bôi vết thương Kulscar	EKUBERG PHARMA S.R.L/ ITALY	Dùng ngoài	Gel/Cream	Hộp 1 tuýp 30ml	Tuýp	343.636	Công ty TNHH Dược phẩm Tymepharco
4	Kem hỗ trợ bảo vệ và hỗ trợ làm lành vết thương kem Lecoxen	Deionized water, Cyclopentasiloxane, Dimethicone, Paraffinum liquidum, Lauryl PEG/PPG-18/18 methicone, Dodecene, Isostearyl alcohol, PEG/PPG-23/50 Copolymer, Methylalkyl cyclosiloxanes, Aesculus hippocastanum bark/seed extract, Propylene glycol, Glycerin, Sodium Chloride, Allium cepa (onion) bulb extract, Zeolite, Benzyl alcohol, Dehydroacetic acid, Tocopherylacetate, Dimethicone crosspolymer, Sodium benzoate, PEG-6 Caprylic/capric glycerides, Citric acid, BHT, Triticum vulgare germ oil.	Kem bôi vết thương Lecoxen	EKUBERG PHARMA S.R.L/ ITALY	Dùng ngoài	Kem/cream	Hộp 1 tuýp 15ml	Tuýp	595.000	Công ty TNHH Dược phẩm Tymepharco
5	Sản phẩm dùng ngoài, hỗ trợ điều trị bệnh chàm và kích ứng da	- Thành phần: Aloe Barbadensis Gel, Galactoarabinan Polyglucuronic Acid Crosspolymer*, nước, Ethylhexyl Stearate, Glycerin, Zinc Oxide, Caprylic/Capric Triglyceride, Oxidized Microcrystalline Cera, Isopropyl Myristate, Cetearyl Ethylhexanoate, PEG-30 Dipolyhydroxystearate, Magnesium Sulfate, Phenoxyethanol, Tocopheryl Acetate, Ethylhexylglycerin-, phức hợp độc quyền 2QRs	Dexam Cream	Trimb Healthcare, Hà Lan	Dùng ngoài	Kem	hộp chứa 1 tuýp 30g	Tuýp	305.000	Công ty Chăm sóc Khỏe và Đẹp Việt Nam
6	Sản phẩm dùng ngoài, hỗ trợ điều trị và phòng ngừa nấm móng tay và chân.	-Thành phần: Ethyl lactate, Aqua, axit lactic, Glycerin, axit Caprylic, axit ascorbic Ethyl 3-0, chiết xuất lá Origanum vulgare	Nilocin Serum Pen	Unigroup ApS Đan Mạch	Dùng ngoài	Serum	hộp chứa 1 bút 3ml	Hộp	375.000	Công ty Chăm sóc Khỏe và Đẹp Việt Nam

STT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật			Tên thương mại	Nhà sx, nước sx	Đường dùng	Dạng bảo chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
(1)	(2)	(3)			(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7	Gel bôi ẩm dao và da hỗ trợ SMG, nám ngứa, Gai sinh dục, Herpes	Copper Gluconate, muối natri Hyaluronic Acid, chiết xuất Cannabis sativa, gel lá lê gai, chiết xuất Zanthoxylum bungeanum (Zanthalene®), chiết xuất thực vật.			Herpasogel	A&R PHARMA SRL - Italy	Dùng ngoài	Gel	hộp 1 lọ	Hộp	490.000	Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu tư Y tế Haliphar
8	Sản phẩm giúp cải thiện tình trạng mắt nước, giảm mỏi mắt của da, giảm sẹo lồi và sẹo phì đại	Gel Silicone Y Tế 64%, Allium cepa (chiết xuất hành tây) 5% Centella asiatica (chiết xuất rau má); Màng film Baycusan, Tocopheryl acetate (Vitamin E).			REBAC	Biopharm chemicals co., ltd / Olic (Thailand) limited	Dùng ngoài	Gel	Tuýp 5 gram	Tuýp	239.000	Công ty TNHH Dược phẩm Eva
9	Sản phẩm giúp cải thiện tình trạng mắt nước, giảm mỏi mắt của da, giảm sẹo lồi và sẹo phì đại	Gel Silicone Y Tế 64%, Allium cepa (chiết xuất hành tây) 5% Centella asiatica (chiết xuất rau má); Màng film Baycusan, Tocopheryl acetate (Vitamin E).			REBAC	Biopharm chemicals co., ltd / Olic (Thailand) limited	Dùng ngoài	Gel	Tuýp 15 gram	Tuýp	450.000	Công ty TNHH Dược phẩm Eva
10	Sản phẩm dạng mỡ hỗ trợ điều trị, làm lành các vết thương hở	- Thành phần: Nhựa cây Vân Sam Na Uy			Abiliar 10%	Repolar Pharmaceuticals Oy- Phần Lan	Dùng ngoài	Mỡ	hộp 1 tuýp 20g	Tuýp	455.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Namex
11	Sản phẩm hỗ trợ ngăn ngừa mụn đang xit	- Thành phần: Water, Niacinamide, Cocamidopropyl dimethylamine, Salicylic acid (2%), Lactic acid (1%, pH> 3,5), PEG-40 hydrogenated castor oil, Propylene glycol, Phenoxylethanol (0,8%), Allantoin, Dipotassium glycyrrhizinate, Sodium benzoate (0,2%), Fragrance, Thymol, Isopropyl methylphenol, Edetate disodium			FreeSkin Forte Xit ngừa mụn ngoài da Acne clear body mist	Công ty cổ phần Novopharm - Nhà máy GMP Dược phẩm-VN	Dùng ngoài	Dung dịch xit	hộp 1 chai 80 ml	Chai	150.000	Công ty TNHH Dược phẩm Novopharm MN
12	ngừa mụn trứng cá, ngừa thâm, dưỡng da	- Thành phần: Deionized Water, Alpha-Terpineol, Carbomer, Squalane, Glycolic Acid, Azelaic Acid, Sodium Hydroxide, EDTA, Potassium Sorbate.			Megaduo Gel	Gamma-VN	Dùng ngoài	Gel	hộp/tuýp 15 gram	Hộp	108.000	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Pariskin
13	Sản phẩm dùng ngoài, giúp làm mờ sẹo, giảm ngứa và khô chùi có liên quan đến sẹo	- Thành phần: Cyclopentasiloxane và Dimethicone/Vinyl Dimethicone Crosspolymer, Cyclopentasiloxane, Isononyl Isononanoate, Cetyl PEG/PPG-10/1 Dimethicone, Dimethicone, Nước, Ascorbyl Tetraisopalmitate, Tocopheryl acetate, Glycosaminoglycans.			Hiruscar silicone pro 10g	Miliot laboratories Co.,Ltd - Thái Lan/Mediorva AG-Switzerland	Dùng ngoài	Gel	hộp 1 tuýp 10 gram	Hộp	213.675	Công ty TNHH DKSH Việt Nam
14	Xit lạnh loại bỏ mụn cóc	Butane (35%), Propane (32%), Isobutane (30%), Dimethyl Ether (3%)			Xit lạnh mụn cóc Timodore Verruche Crioterapia	Farmaceutici Dott. Ciccarelli S.P.A - Ý	Dùng ngoài da	Khi lỏng	hộp 1 chai 75ml	Hộp	441.000	Công ty TNHH Piccare Việt Nam

STT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Tên thương mại	Nhà sx, nước sx	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Nhà cung cấp được xét chọn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
15	Miếng dán loại bỏ mụn cóc	Salicylic Acid (30%), White Wax (27%), White Pitch (18%), Paraffin Oil (15%), Turpentine (7%), Chlorophyll Extract (3%)	Miếng dán loại bỏ mụn cóc Timodore (1156Z02)	Farmaceutici Dott. Ciccarelli S.P.A - Ý	Dùng ngoài da	Miếng dán	6 miếng/gói	Gói	147.000	Công ty TNHH Picare Việt Nam
16	Dung dịch trị mụn cóc	Isopropyl Alcohol (48%), Salicylic Acid (25%), Ethane (12.5%), Ethyl Acetate (7%), Lactic Acid (3.9%), Turpentine (3.6%)	Dung dịch trị mụn cóc Timodore	Farmaceutici Dott. Ciccarelli S.P.A - Ý	Dùng ngoài da	Dung dịch	hộp 1 lọ 12ml	Hộp	210.000	Công ty TNHH Picare Việt Nam
Tổng số: 16 mặt hàng										

